

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH PHÚ THO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/ST-HNGĐ  
Ngày 07/01/2022  
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Trình;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bá Kỳ; Ông Phạm Minh Hoan.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 79/2021/TBMLPT -HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Hương N**, sinh năm 1989;

ĐKKH: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P;

Nơi ở hiện nay: Khu 14, xã Y, huyện H, tỉnh P. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

*Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Hương N trình bày: Tôi và anh Đỗ Văn T kết hôn ngày 05/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn và hiện nay chúng tôi đều lao động tự do.

Cuộc sống 11 năm qua anh T nhiều lần cờ bạc gia đình hai bên đều biết, gia đình hai bên và tôi khuyên giải anh T rất nhiều lần nhưng anh T không hề thay đổi

vẫn tiếp tục chơi bời vay nợ nhiều nơi để chơi bời nhưng đều bắt tôi trả nợ. Anh T không có trách nhiệm gì với vợ con cả tình cảm lẫn kinh tế, tôi đã cố gắng chịu đựng mong anh T sửa chữa nhưng anh T không thay đổi. Nay tôi xét thấy tình cảm với anh T không còn nên tôi đề nghị được ly hôn.

Từ khi tôi gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án vào ngày 07/7/2021 tôi đã tự khai tại Tòa án cho đến nay tôi mong anh T suy nghĩ lại để hai bên trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng, tôi đã rất nhiều lần điện thoại để anh T trực tiếp gặp nhau tìm biện pháp khắc phục nhưng anh T không chịu hợp tác trực tiếp gặp mà còn tỏ thái độ không muốn đoàn tụ. Chính vì thế tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được tôi đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng với anh T thực sự không còn nên tôi vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Phương M, sinh ngày 16/3/2011; Đỗ Ngọc T, sinh 13/9/2014. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi cháu Đỗ Phương M còn cháu T để anh T nuôi. Vì điều kiện kinh tế không đủ nuôi hai con chung, do mỗi người nuôi một con nên tôi không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi cháu M. Tòa án đã công bố lời khai của cháu M và cháu T về nguyện vọng ở với cả bố lẫn mẹ, khi ly hôn xong tôi xét thấy mỗi người nuôi một con là phù hợp vì điều kiện kinh tế của cả hai bên chưa thể nuôi cả hai con chung được.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Vợ chồng không có.

Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh T). Bà Nguyễn Thị N trình bày: Tôi là mẹ đẻ của anh T, chị N là con dâu của tôi. Anh T và chị N kết hôn ngày 05/10/2010, đăng ký tại UBND xã T, huyện T. Sau kết hôn vợ chồng anh T, chị N đi làm ăn suốt không ở với tôi, chỉ khi nào chị N sinh con thì mới về ở cũ với vợ chồng tôi. Sau đó lại gửi con cho vợ chồng tôi để đi làm ăn. Những lúc vợ chồng anh T, chị N về sống với vợ chồng tôi thì tôi cũng thấy hai vợ chồng có xung đột.

Lý do mâu thuẫn tôi nghe thấy vợ chồng nói nhau là do anh T chơi bời liên quan đến kinh tế không giúp đỡ vợ con nhưng không lớn.

Còn khi nghe qua điện thoại của vợ chồng nói chuyện với nhau thì chị N phàn nàn anh T mãi chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con.

Khi anh T với chị N mâu thuẫn thì hai bên nội, ngoại có gặp nhau và trao đổi mong vợ chồng bỏ qua cho nhau để đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Phương M ngày 16/3/2011 và Đỗ Ngọc T, sinh ngày 13/9/2014, hiện nay hai con chung của chị N, anh T đang

học tại trường của xã T. Hai con chung của chị N, anh T chủ yếu ở với vợ chồng tôi và do tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả tình cảm lẫn kinh tế. Vợ chồng anh T, chị N làm ăn ở xa ít có dịp về chăm con, nhưng khi về có đưa tiền cho tôi nhưng không đáng kể để nuôi con (tiền đóng học là do chị N gửi về để đóng). Khi có công việc của gia đình thì vợ chồng anh T, chị N vẫn về. Từ khi chị N xin ly hôn đến nay thì vợ chồng anh T, chị N ít về. Tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh T, chị N đoàn tụ nuôi dạy con chung, còn nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Quan điểm về con chung ý kiến của anh T, chị N như thế nào là quyền của vợ chồng chị N và anh T.

Tôi có điện thoại cho anh T để hỏi thăm về việc chị N xin ly hôn ý của anh T như thế nào. Anh T có nói với tôi xác định có chơi bởi nhưng chị N không tha thứ là việc của chị N anh không quan tâm. Khi tôi tâm sự thì chị N nói giữa chị N và anh T không ở với nhau, kinh tế làm ăn riêng chị N có nói chị làm để lấy tiền gửi về cho bà nuôi con. Tôi cũng điện thoại tâm sự với anh T nhiều lần nhưng anh T có ý thức bỏ mặc, chị N muốn làm gì thì làm nên cương quyết không về. Nếu chị N không tha thứ cho việc chơi bởi của anh T thì anh T đành chấp nhận.

Ông Tạ Hữu N - Trưởng khu 2, xã T cho biết: Vợ chồng chị N và anh T sau khi kết hôn với nhau thì về ở chung cùng vợ chồng bà N (mẹ đẻ anh T) tại khu 2, xã T một thời gian ngắn thì đi làm ăn ở chỗ khác thỉnh thoảng mới về gia đình nhà bà N, hai con chung của chị N, anh T đều gửi ở nhà bà N học hành và nuôi dưỡng. Tuy nhiên những lúc vợ chồng về quê có mâu thuẫn xảy ra bản thân bà Ngân cũng phản ánh vợ chồng chị N, anh T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay chơi bởi không quan tâm đến kinh tế gia đình nên các khoản tiền đóng học cho con do chị N gửi về và bà N hỗ trợ. Hiện nay việc chăm sóc con chung của vợ chồng chị N, anh T chủ yếu là do bà N.

Việc Tòa án báo gọi anh T nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng anh T không về thể hiện không còn ý thức xây dựng gia đình nữa. Đáng lẽ anh T phải trao đổi với khu hành chính để tìm biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng nhưng anh T cũng không có ý kiến gì với tôi. Nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn quan điểm của tôi đề nghị giải quyết theo pháp luật. Con chung vợ chồng chị N, anh T có hai con chung là Đỗ Phương M và Đỗ Ngọc T, khi ly hôn theo nguyện vọng của vợ, chồng về việc nuôi con. Tài sản chung, công nợ tôi không biết.

Ông Lê Nhật T - Công chức Tư pháp xã cung cấp: Đối với người lao động tự do tại địa phương xã T, huyện Tam Nông khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Về tình trạng hôn nhân của chị N và anh T theo cung cấp của Trưởng khu và bà N (mẹ đẻ anh T) tôi cho rằng là chính xác.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T cố tình vắng mặt nên không hòa giải được nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu:

#### I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

##### 1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán:

Về thời hạn nhận và xử lý đơn khởi kiện: Đúng theo quy định tại điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự; về căn cứ, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo đúng quy định tại điều 28, 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện theo đúng quy định tại điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai đương sự về cơ bản đúng theo quy định tại điều 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên vẫn có nhưng vi phạm như: Tại biên bản lấy lời khai của cháu Tvà bản tự khai của cháu M không có người đại diện hợp pháp. Vi phạm khoản 3, điều 98, khoản 5, điều 69 BLTTDS; Thiếu sót trong biên bản xác minh tại UBND xã T ngày 03/12/2021 đại diện UBND xã T, phó chủ tịch không có tên trong thành phần tham gia nhưng lại ký xác nhận; Việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKS và đương sự đảm bảo theo quy định tại điều 220 BLTTDS; Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS; Tòa án vi phạm trong việc gửi quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/12/2021 cho Viện kiểm sát. Đến ngày 21/12/2021 mới gửi. Vi phạm khoản 3 điều 233 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự; Hội đồng xét đơn yêu cầu), Thư ký phiên tòa (phiên họp)

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa được quy định tại các điều 239, 240, 241, 243 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tranh tụng: Phiên tòa được xét xử vắng mặt cả hai bên nên không tiến hành tranh tụng.

##### 3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 BLTTDS, Luật phí lệ phí, Nghị quyết 326 của Quốc hội, đến Tòa án làm việc theo đúng giấy triệu tập, thông báo.

Về phía bị đơn: Thực hiện chưa thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 72 BLTTDS.

#### II. Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị HĐXX xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Áp dụng điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao con chung là Đỗ Phương M , sinh ngày 16/3/2011 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giao con chung là Đỗ Ngọc T, sinh ngày 13/9/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không đề nghị. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không đề nghị giải quyết do vậy không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 BLTTDS, Luật phí và lệ phí Tòa án, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công bố tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn là Chị Vũ Thị Hương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là anh Đỗ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung: Đây là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Vũ Thị Hương N và anh Đỗ Văn T. Chị N và anh T kết hôn ngày 05/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Đây là cuộc hôn nhân tiến bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét về cuộc sống chung của vợ chồng chị N và anh T hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T hay chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình cả tình cảm lẫn kinh tế. Gia đình hai bên và chị N khuyên giải anh T rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi vẫn tiếp tục chơi bời, chị N đã cố gắng chịu đựng mong anh T sửa chữa nhưng anh T không thay đổi. Từ đó, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Điều này được xác định từ việc chị N khai và bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh T) xác định.

Xác minh tại địa phương thấy rằng: Vợ chồng chị N và anh T sau khi kết hôn với nhau thì về ở chung cùng vợ chồng bà Ngân (mẹ đẻ anh T) tại khu 2, xã T một thời gian ngắn thì đi làm ăn ở chỗ khác thỉnh thoảng mới về gia đình nhà bà Ngân, hai con chung của chị N, anh T đều gửi ở nhà bà Ngân học hành và nuôi dưỡng.

Tuy nhiên những lúc vợ chồng về quê có mâu thuẫn xảy ra bản thân bà N cũng phản ánh vợ chồng chị N, anh T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay chơi bời không quan tâm đến kinh tế gia đình nên các khoản tiền đóng học cho con do chị N gửi về và bà N hỗ trợ. Hiện nay việc chăm sóc con chung của vợ chồng chị N, anh T chủ yếu là do bà Ngân. Đáng lẽ anh T phải trao đổi với khu hành chính để tìm biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng nhưng anh T cũng không có ý kiến gì với khu hành chính. Nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn quan điểm của khu hành chính đề nghị giải quyết theo pháp luật. Con chung vợ chồng chị N, anh T có hai con chung là Đỗ Phương M và Đỗ Ngọc T, khi ly hôn theo nguyện vọng của vợ, chồng về việc nuôi con. Tài sản chung, công nợ khu hành chính không biết.

Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần qua bà N (mẹ đẻ anh T) bà N đã thông tin cho anh T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, đáng lẽ anh T phải đến Tòa án để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng chính là cơ hội để Tòa án tiến hành hòa giải tìm ra biện pháp khắc phục để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh T không đến Tòa án chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị N và bỏ mặc chị N muốn làm gì thì làm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc với nhau. Vì vậy, phải xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế lý do chị N đưa ra để làm căn cứ xin ly hôn anh T là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế cuộc sống của vợ chồng giữa chị N và anh T. Cho nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và xử cho chị Vũ Thị Hương N ly hôn anh Đỗ Văn T.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Phương M ngày 16/3/2011 và Đỗ Ngọc T, sinh ngày 13/9/2014, hiện nay hai con chung của chị N, anh T đang học tại trường của xã T. Xét ý kiến của chị N và thấy rằng cả chị N, anh T đều là lao động tự do (mức thu nhập của người lao động tự do tại địa phương khoảng 3.000.000đồng/tháng), mặc dù anh T không có ý kiến về việc nuôi con và hai con chung đều có ý kiến xin được ở với bố, mẹ khi bố, mẹ ly hôn. Xong xét thực tế thu nhập của vợ chồng nên cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Do cháu M là con gái rất cần sự chăm sóc thường xuyên của người mẹ và ý kiến của chị N là phù hợp nên cần giao cháu Đỗ Phương M ngày 16/3/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Ngọc T, sinh ngày 13/9/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N không đề nghị giải quyết, nên không đặt ra giải quyết là phù hợp. Công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Chị N xác định không có nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hương N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 238, Khoản 4 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1- Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: cho chị Vũ Thị Hương N được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con: Giao con chung là Đỗ Phương M, sinh ngày 16/3/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Đỗ Ngọc T, sinh 13/9/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hương N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) . Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003026 ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, huyện;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Trình**

